

NGHỊ QUYẾT

Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Công văn số 6842/BKHĐT-TH ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thông qua kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thông qua kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2021;

Xét Tờ trình số 130/TTr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2020 và Công văn số 4467/UBND-TH ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 78/BC-HĐND-KTNS ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 với các nội dung như sau:

I. Nguồn vốn được phân bổ: 5.894 tỷ 405 triệu đồng (chi tiết tại biểu số 1)

Bao gồm:

- | | |
|------------------------------|--------------------------|
| 1. Vốn ngân sách trung ương: | 1.100 tỷ 647 triệu đồng. |
| 2. Vốn ngân sách địa phương: | 4.793 tỷ 758 triệu đồng. |

II. Phương án phân bổ

1. Nguồn ngân sách trung ương:

1.100 tỷ 647 triệu đồng

Bao gồm:

1.1. Vốn trong nước: 900 tỷ 647 triệu đồng (*chi tiết tại biểu số 2*).

Trong đó:

- Dự án chuyển tiếp: 702 tỷ đồng;

(hoàn trả vốn ứng trước là 30 tỷ 434 triệu đồng)

- Dự án khởi công mới: 198 tỷ 647 triệu đồng.

1.2. Vốn nước ngoài (ODA): 200 tỷ đồng (*chi tiết tại biểu số 3*).

(Vốn cấp phát của Trung ương cho đường Minh Lập - Lộc Hiệp)

2. Vốn ngân sách địa phương: 4.793 tỷ 758 triệu đồng (*chi tiết tại biểu số 4*)

Bao gồm:

2.1. Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 477 tỷ 840 triệu đồng.

Trong đó:

- Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố: 286 tỷ 200 triệu đồng;

- Vốn xây dựng cầu dân sinh: 41 tỷ 640 triệu đồng;

- Vốn hỗ trợ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 150 tỷ đồng;

2.2. Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 3.399 tỷ 818 triệu đồng.

Bao gồm:

- Vốn huyện, thị xã, thành phố quản lý: 893 tỷ đồng;

- Vốn tỉnh quản lý: 2.506 tỷ 818 triệu đồng;

Trong đó:

+ Vốn thực hiện dự án: 2.139 tỷ 318 triệu đồng;

Bao gồm:

* Dự án chuyển tiếp: 1.254 tỷ 423 triệu đồng;

(trong đó vốn tất toán các công trình đã quyết toán 15 tỷ 790 triệu đồng, *phụ lục 4.1*)

* Dự án khởi công mới: 884 tỷ 895 triệu đồng;

+ Vốn hỗ trợ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 220 tỷ đồng;

+ Vốn chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 80 tỷ đồng;

+ Vốn chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021 - 2025 (*phụ lục 4.2*): 47 tỷ 500 triệu đồng;

+ Hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp: 20 tỷ đồng.

2.3. Vốn xổ số kiến thiết: 784 tỷ đồng.

Bao gồm:

- Vốn thực hiện dự án: 704 tỷ đồng;



Trong đó:

- + Dự án chuyển tiếp: 240 tỷ đồng;
- + Dự án khởi công mới: 464 tỷ đồng;
- Vốn hỗ trợ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 80 tỷ đồng;
- 2.4. Vốn hỗ trợ của thành phố Hồ Chí Minh: 20 tỷ đồng;
- 2.5. Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 112 tỷ 100 triệu đồng;
(Tỉnh vay lại Trung ương vốn ADB của dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thông qua kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2021.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ mười bốn thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ TC, Bộ KH và ĐT;
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Huỳnh Thị Hằng

Biểu số 1

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/NQ - HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2021			Ghi chú
		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	
	TỔNG SỐ	5.894.405	5.582.305	312.100	
I	Vốn ngân sách trung ương	1.100.647	900.647	200.000	
1	Vốn trong nước	900.647	900.647		Biểu số 2
	Trong đó				
	Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững	300.000	300.000		
	Thu hồi các khoản ứng trước	30.434	30.434		
2	Vốn nước ngoài	200.000		200.000	Biểu số 3
II	Vốn ngân sách địa phương	4.793.758	4.681.658	112.100	
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	477.840	477.840		Biểu số 4
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	3.399.818	3.399.818		(112,1 tỷ đồng
	Khối tỉnh	2.506.818	2.506.818		tỉnh vay lại
	Khối huyện, thị, thành phố	893.000	893.000		TW vốn ADB
3	Đầu tư từ nguồn thu Xổ số kiến thiết	784.000	784.000		của dự án
4	Vốn hỗ trợ của TP. HCM	20.000	20.000		Minh Lập-Lộc
5	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	112.100		112.100	Hiệp)

Ghi chú: Tiền SDD khối tỉnh năm 2021 là 3.082 tỷ đồng. **Đề lại 575 tỷ 182 triệu đồng**, bao gồm: 187 tỷ 542 triệu đồng hoàn trả số hụt thu tiền SDD năm 2019; 144 tỷ đồng chi sự nghiệp duy tu, sửa chữa các tuyến đường giao thông (trong đó: dự án Đường ĐT.751 đoạn từ Minh Long đi cầu Bà Và là 50 tỷ đồng); 126 tỷ đồng chi sự nghiệp hạ tầng công nghệ thông tin; 20 tỷ đồng chi sự nghiệp phát thanh truyền hình - và báo Bình Phước (mua sắm trang thiết bị theo đề án chuyển đổi truyền hình kỹ thuật số); 6 tỷ đồng chi sự nghiệp văn hóa (sửa chữa nâng cấp các tuyến đường nội bộ và một số hạng mục nhà ở trung tâm thể dục thể thao tỉnh); 30 tỷ đồng chi đo đạc hồ sơ địa chính của Bình Long, Phước Long, Bù Đăng; trích 2% dự phòng 61 tỷ 640 triệu đồng; **còn lại bố trí đầu tư công năm 2021 là 2.506 tỷ 818 triệu đồng**

Biểu số 2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 97/NQ - HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư						Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2021				Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
								Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
	TỔNG SỐ		4.444.998	3.967.289	533.198	363.698	1.742.036	1.727.036	30.434	-	900.647	900.647	30.434			
A	Các dự án chuyển tiếp sang 2021		3.448.855	2.986.146	533.198	363.698	828.800	828.800	30.434	-	702.000	702.000	30.434			
I	Các hoạt động kinh tế		2.200.000	1.848.800	267.500	98.000	543.800	543.800	-	-	482.000	482.000	-	-		
1	Xây dựng đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	2178/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	220.000	171.800	48.000		171.800	171.800			70.000	70.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
2	Đường phía Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư tỉnh Bình Phước	2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.450.000	1.200.000	118.500						300.000	300.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
3	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư	987/ QĐ-UBND ngày 7/5/2020	450.000	400.000	40.000	40.000	360.000	360.000			100.000	100.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
4	Đường trục chính khu trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	1322/QĐ-UBND ngày 31/5/2017	80.000	77.000	61.000	58.000	12.000	12.000			12.000	12.000		UBND huyện Phú Riềng		
II	Du lịch		100.000	100.000	75.000	75.000	10.000	10.000	-	-	10.000	10.000				
1	Đường từ ngã 3 Vườn Chuối (Quốc lộ 14) đến khu vực trảng cỏ Bù Lạch (thuộc tour du lịch nổi với Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng Sok Bom Bo) xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	2403/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 988/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	100.000	100.000	75.000	75.000	10.000	10.000			10.000	10.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
III	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		245.000	235.000	87.698	87.698	146.876	146.876	-	-	81.876	81.876	-	-		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2021				Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:						
						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB					
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Lộc Ninh	2198/QĐ-UBND ngày 21/8/2016; 989/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	110.000	100.000	57.698	57.698	41.876	41.876			41.876	41.876			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xử lý cấp bách dự án thoát lũ suối Đá, thành phố Đồng Xoài	161a/QĐ-UBND ngày 21/7/202011/ NQ-HĐND ngày 13/7/2020	135.000	135.000	30.000	30.000	105.000	105.000			40.000	40.000			UBND TP Đồng Xoài
IV	Công nghiệp		676.725	575.216	65.000	65.000	34.000	34.000	-	-	34.000	34.000	-	-	
1	Cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020	1153/QĐ-UBND ngày 04/6/2014	676.725	575.216	65.000	65.000	34.000	34.000			34.000	34.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
V	Khu công nghiệp và khu kinh tế		110.000	110.000	38.000	38.000	63.690	63.690	-	-	63.690	63.690	-	-	
1	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	1246/QĐ-UBND ngày 23/5/2017	110.000	110.000	38.000	38.000	63.690	63.690			63.690	63.690			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
VI	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		117.130	117.130	-	-	30.434	30.434	30.434	-	30.434	30.434	30.434		
1	Khu công nghiệp Chơn Thành (giai đoạn 1)	736/QĐ-UBND ngày 10/4/2008	70.000	70.000			3.712	3.712	3.712		3.712	3.712	3.712		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Dự án đầu tư sản xuất giống cây ca cao và cao su giai đoạn 2007-2010	2694/QĐ-UBND ngày 26/10/2016.	9.130	9.130			2.722	2.722	2.722		2.722	2.722	2.722		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước M26	2710/QĐ-UBND ngày 27/10/2016.	10.000	10.000			6.000	6.000	6.000		6.000	6.000	6.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Phú Sơn	2947/QĐ-UBND ngày 16/11/2016	12.000	12.000			2.000	2.000	2.000		2.000	2.000	2.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2021				Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
											Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	
5	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thọ Sơn	2658/QĐ-UBND ngày 25/10/2016.	8.000	8.000			8.000	8.000	8.000		8.000	8.000	8.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Sa Cát	2658/QĐ-UBND ngày 25/10/2016.	8.000	8.000			8.000	8.000	8.000		8.000	8.000	8.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
B	Các dự án khởi công mới năm 2021		996.143	981.143	-	-	913.236	898.236	-	-	198.647	198.647	-	-	
I	Các hoạt động kinh tế		150.000	135.000	-	-	150.000	135.000	-	-	30.000	30.000	-	-	
1	Xây dựng đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chế Biên đi cầu Đò xã Lộc Điền)	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	150.000	135.000			150.000	135.000			30.000	30.000			UBND huyện Lộc Ninh
II	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		111.143	111.143			101.736	101.736			43.647	43.647			
1	Xây dựng hệ thống kênh tưới cụm công trình thủy lợi huyện Lộc Ninh	2469/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	111.143	111.143			101.736	101.736			43.647	43.647			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
III	Khu công nghiệp và khu kinh tế		585.000	585.000	-	-	526.500	526.500	-	-	100.000	100.000			
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với khu vực khu công nghiệp Minh Hưng Sikico huyện Hớn Quản	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	185.000	185.000			166.500	166.500			40.000	40.000			UBND huyện Hớn Quản
2	Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	400.000	400.000			360.000	360.000			60.000	60.000			UBND huyện Đồng Phú
IV	Quốc phòng		150.000	150.000			135.000	135.000			25.000	25.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2021				Chủ đầu tư				
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số							Trong đó:		
																			Thu hồi các khoản vốn ứng trước
1	Xây dựng đường vào các đồn biên phòng: Đắc Ô huyện Bù Gia Mập; Phước Thiện huyện Bù Đốp; Lộc An huyện Lộc Ninh;Lộc thiện huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	150.000	150.000			135.000	135.000.			25.000	25.000			Bộ chỉ huy BĐBP tỉnh				

BIỂU SỐ 3

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Số quyết định	Quyết định đầu tư							Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2021(nguồn cấp phát từ NSTW)	Chủ đầu tư
			TMĐT									
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)						
				Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt					
							Tổng số	Trong đó:				
				Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại							
	TỔNG SỐ		495.558	43.627	43.627	20.338	451.931	316.351	135.580	268.925	200.000	
	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016; 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; 3204/QĐ-UBND ngày 7/12/2017	495.558	43.627	43.627	20.338	451.931	316.351	135.580	268.925	200.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh



Biểu số 4

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**Nguồn vốn ngân sách địa phương**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch vốn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2021						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
	Tổng số		7.982.032	6.361.480	4.793.758	477.840	3.399.818	784.000	20.000	112.100	
A	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố				1.179.200	286.200	893.000	-	-	-	
1	Thành phố Đồng Xoài				174.000	28.000	146.000				
	Trong đó:				-						
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				43.800		43.800				
2	Thị xã Bình Long				89.900	23.900	66.000				
	Trong đó:				-						
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				19.800		19.800				
3	Thị xã Phước Long				116.500	21.500	95.000				
	Trong đó:				-						
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				28.500		28.500				
4	Huyện Đồng Phú				118.000	30.000	88.000				
	Trong đó:				-						
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				26.400		26.400				
5	Huyện Bù Đăng				102.000	30.000	72.000				
	Trong đó:				-						
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				21.600		21.600				
6	Huyện Bù Gia Mập				60.500	24.500	36.000				
	Trong đó:				-						
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				10.800		10.800				
7	Huyện Chơn Thành				61.700	25.700	36.000				
	Trong đó:				-						
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				10.800		10.800				

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch vốn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2021						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
8	Huyện Hớn Quản				106.600	24.600	82.000				
	Trong đó:				-						
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				24.600		24.600				
9	Huyện Lộc Ninh				124.400	32.400	92.000				
	Trong đó:				-						
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				27.600		27.600				
10	Huyện Bù Đốp				56.300	22.300	34.000				
	Trong đó:				-						
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				10.200		10.200				
11	Huyện Phú Riềng				169.300	23.300	146.000				
	Trong đó:				-						
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%				43.800		43.800				
B	Vốn thực hiện dự án		7.982.032	5.171.480	3.017.058	41.640	2.139.318	704.000	20.000	112.100	
	Dự án chuyển tiếp		4.191.936	1.749.180	1.606.523	0	1.254.423	240.000	0	112.100	
I	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		2.981.291	1.020.480	958.200	-	636.100	210.000	-	112.100	
	Công nghiệp		168.947	37.500	37.500	-	37.500	-	-		
1	Đường trục chính từ QL13 vào khu công nghiệp Tân khai II, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	2779/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	40.000	15.000	15.000		15.000				
2	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào Becamex Bình Phước	1944/QĐ-UBND ngày 08/8/2017	48.974	11.700	11.700		11.700				
3	Các tuyến đường số 2, 3, 4, 5 và 7 KCN Đồng Xoài I	980/QĐ-UBND ngày 9/5/2018	79.973	10.800	10.800		10.800				
	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		2.522.344	772.980	710.700	-	598.600	-	-	112.100	
1	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	2992/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.450.000	130.000	130.000		130.000				
2	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	2293/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	110.000	110.000		110.000				
3	Nâng cấp mở rộng ĐT 753B kết nối đường Đồng Phú - Bình Dương	2294/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	85.000	85.000		85.000				

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch vốn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2021						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
4	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	123.800	68.800	30.000		30.000				
5	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mệ đến QL14C	1659/QĐ-UBND ngày 17/7/2018	89.834	27.800	27.800		27.800				
6	Hai tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa tỉnh (đường Nguyễn Chánh và đường QH số 30)	2333/QĐ-UBND ngày 1/11/2019	58.130	17.000	17.000		17.000				
7	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ	1622/QĐ-UBND ngày 16/7/2020	200.000	160.000	160.000		160.000				
8	Dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	2054/QĐ-UBND ngày 21/8/2017	105.000	38.800	38.800		38.800				
9	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016; 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; 3204/QĐ-UBND ngày 7/12/2017	135.580	135.580	112.100					112.100	tỉnh vay lại TW vốn ADB của dự án Minh Lập-Lộc Hiệp
	Y tế		68.500	48.500	48.500	-	-	48.500	-		
1	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (giai đoạn II)	2785/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	68.500	48.500	48.500			48.500			
	Giáo dục - Đào tạo		221.500	161.500	161.500	-	-	161.500	-		
1	Xây dựng trường nghề tại khu công nghiệp Becamex Bình Phước	2319/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	150.000	110.000	110.000			110.000			
2	Xây dựng khối phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT Đồng Xoài	1643a/QĐ-UBND ngày 20/7/2020	71.500	51.500	51.500			51.500			
II	Thành phố Đồng Xoài		280.000	125.000	125.000	-	125.000	-	-		
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		280.000	125.000	125.000	-	125.000	-	-		

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch vốn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2021						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT		Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	Kè và hệ thống đường giao thông dọc hai bên suối Đồng Tiền - suối Tầm Vông TX Đồng Xoài	2137/QĐ-UBND ngày 10/9/2018	150.000	25.000	25.000		25.000				
2	Hỗ trợ thành phố Đồng Xoài GPMB dự án xây dựng kè và nạp vét hồ Suối Cam		130.000	100.000	100.000		100.000				
III	Thị xã Bình Long		91.000	18.100	18.100	-	18.100	-	-		
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		91.000	18.100	18.100	-	18.100	-	-		
1	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long	2784/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	91.000	18.100	18.100		18.100				
IV	Huyện Chơn Thành		139.545	37.700	37.700	-	27.700	10.000	-		
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		139.545	37.700	37.700	-	27.700	10.000	-		
1	Các tuyến đường trục xuyên tâm để hình thành các phường huyện Chơn Thành	2270/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	139.545	37.700	37.700		27.700	10.000			
V	Huyện Lộc Ninh		245.000	80.000	80.000	-	80.000	-	-		
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		245.000	80.000	80.000	-	80.000	-	-		
1	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	2484/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	245.000	80.000	80.000		80.000				
VI	Huyện Bù Đốp		140.000	40.000	40.000	-	40.000	-	-		
	Giao thông - Hạ tầng đô thị		140.000	40.000	40.000	-	40.000	-	-		
1	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B đoạn từ xã Phước Thiện đi cửa khẩu Hoàng Diệu	1647/QĐ-UBND ngày 08/8/2019	140.000	40.000	40.000		40.000				
VII	Huyện Phú Riềng		220.000	110.000	110.000	-	110.000	-	-		
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		220.000	110.000	110.000	-	110.000	-	-		
1	Xây dựng cầu Long Tân-Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quản	2316/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	100.000	70.000	70.000		70.000				

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch vốn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2021						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
2	Dự án xây dựng đường vòng quanh và cải tạo lòng hồ Bàu Lách gắn với phát triển du lịch huyện Phú Riềng	2317/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	120.000	40.000	40.000		40.000				
VIII	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh		35.100	20.100	20.100	-	10.100	10.000	-		
	Quốc phòng - An ninh		35.100	20.100	20.100	-	10.100	10.000	-		
1	Xây dựng, nâng cấp doanh trại Bệnh xá K23 BCH Quân sự tỉnh	2462a/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	20.100	10.100	10.100		10.100				
2	Xây dựng, nâng cấp Trường Quân sự Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	2467a/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	15.000	10.000	10.000			10.000			
IX	Hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án BOT đường Đồng Phú Bình Dương	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020		160.000	160.000		160.000				Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước
X	Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch		60.000	58.800	41.633		31.633	10.000			Sở KHĐT
XI	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán			79.000	15.790		15.790				Chi tiết tại PL 4.1
	Dự án khởi công mới		3.790.096	3.422.300	1.410.535	41.640	884.895	464.000	20.000	-	-
I	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		899.096	817.500	603.640	41.640	510.000	52.000	-	-	
	Công nghiệp		200.000	180.000	128.500	-	90.000	38.500	-		
1	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	2029/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	50.000	45.000	45.000		45.000				
2	Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	2024/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	50.000	45.000	45.000		45.000				
3	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	2025/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	100.000	90.000	38.500			38.500			
	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		534.826	489.000	386.640	41.640	345.000	-	-	-	
1	Xây dựng tuyến kết nối ĐT.753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	1996/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	180.000	162.000	162.000		162.000				
2	Xây dựng đường Đồng Hưu - Bàu Nám, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bàu Nám)	2023/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	69.826	63.000	63.000		63.000				

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch vốn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2021						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
3	Xây dựng cầu dân sinh	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	135.000	121.000	41.640	41.640					
4	Xây dựng đường Đồng Xoài - Tân Lập (vành đai phía Tây hồ suối Giai)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	70.000	63.000	40.000		40.000				
5	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Minh Hưng - Đồng Nơ (3 hạng mục phát sinh, gồm: điện chiếu sáng công cộng, đường dây 22KVA và trạm biến áp, trồng cây sao đen hai bên đường)	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	80.000	80.000	80.000		80.000				
	Giáo dục - Đào tạo		14.270	13.500	13.500	-	-	13.500	-		
1	Xây dựng Trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT chuyên Quang Trung	2145/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	14.270	13.500	13.500			13.500			
	Văn hóa xã hội		150.000	135.000	75.000	-	75.000	-	-	-	
	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Phước	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	150.000	135.000	75.000		75.000				
II	Thành phố Đồng Xoài		280.000	252.000	47.000	-	20.000	27.000	-		
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		280.000	252.000	47.000	-	20.000	27.000	-		
1	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	1988/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	250.000	225.000	20.000		20.000				
2	Xây dựng đường Lý Thường Kiệt nối dài (đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến đường Nguyễn Huệ, phường Tân Đồng)	1989/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	30.000	27.000	27.000			27.000			
III	Thị xã Phước Long		135.000	121.500	49.000	-	4.000	45.000	-		
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		135.000	121.500	49.000	-	4.000	45.000	-		
1	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối từ trung tâm Long Giang đến Long Phước	1987/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	55.000	49.500	24.000			24.000			
2	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	1945/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	80.000	72.000	25.000		4.000	21.000			
IV	Thị xã Bình Long		220.000	198.000	56.000	-	-	56.000	-		
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		70.000	63.000	16.000	-	-	16.000	-		

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch vốn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2021						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	Xây dựng đường ĐT.752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	2067/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	70.000	63.000	16.000			16.000			
	Giáo dục và Đào tạo		150.000	135.000	40.000	-	-	40.000	-		
1	Xây dựng trường THPT Bình Long	1990/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	150.000	135.000	40.000			40.000			
V	Huyện Chơn Thành		210.000	189.000	92.895	-	66.895	26.000	-		
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		210.000	189.000	92.895	-	66.895	26.000	-		
1	Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	2141/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	130.000	117.000	66.895		66.895				
2	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào Cụm công nghiệp và Khu công nghiệp công nghệ cao Nha Bích	2206/QĐ-UBND ngày 04/9/2020	80.000	72.000	26.000			26.000			
VI	Huyện Đồng Phú		882.000	793.800	226.000	-	206.000	20.000	-		
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		882.000	793.800	226.000	-	206.000	20.000	-	-	
1	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	2129/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	372.000	334.800	100.000		80.000	20.000			
2	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	130.000	117.000	40.000		40.000				
3	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	340.000	306.000	50.000		50.000				
4	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước-Đồng Tiến-Đồng Tâm huyện Đồng Phú	2803/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	40.000	36.000	36.000		36.000				
VII	Huyện Hớn Quản		300.000	270.000	52.000	-	9.000	43.000	-		
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		270.000	243.000	25.000	-	-	25.000	-		

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch vốn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2021						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	270.000	243.000	25.000			25.000			
	Thủy lợi		30.000	27.000	27.000	-	9.000	18.000	-		
1	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương, huyện Hớn Quản	1985/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	30.000	27.000	27.000		9.000	18.000			
VIII	Huyện Bù Đăng		130.000	117.000	50.000	-	-	50.000	-		
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		80.000	72.000	30.000	-	-	30.000	-		
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL.14 đi xã Đăk Nhau	2175/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	80.000	72.000	30.000			30.000			
	Giáo dục và Đào tạo		50.000	45.000	20.000	-	-	20.000	-		
1	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đăng	2146/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	50.000	45.000	20.000			20.000			
IX	Huyện Lộc Ninh		140.000	126.000	55.000	-	-	55.000	-		
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		90.000	81.000	30.000	-	-	30.000	-		
1	Nâng cấp đường 13B từ ngã ba Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ X16	2028/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	90.000	81.000	30.000			30.000			
	Giáo dục và Đào tạo		50.000	45.000	25.000	-	-	25.000	-		
1	Xây dựng Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS	1975/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	50.000	45.000	25.000			25.000			
X	Huyện Bù Gia Mập		280.000	252.000	50.000	-	-	30.000	20.000		
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		240.000	216.000	34.000	-	-	14.000	20.000		
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.760 từ ngã tư ĐT.741 đến cầu Đăk O (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT.741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	2140/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	150.000	135.000	20.000				20.000		

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch vốn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2021						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
2	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện	2125/QĐ-UBND ngày 27/08/2020	90.000	81.000	14.000			14.000			
	Văn hóa xã hội		40.000	36.000	16.000	-	-	16.000	-		
1	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	2124/QĐ-UBND ngày 27/08/2020	40.000	36.000	16.000			16.000			
XI	Huyện Bù Đốp		100.000	90.000	50.000	-	15.000	35.000	-		
	Giao thông - Hạ tầng đô thị		40.000	36.000	15.000	-	15.000	-	-		
1	Nâng cấp đường ĐT.759B đoạn từ chợ Tân Thành đi Cửa khẩu Cầu Trắng	2026/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	40.000	36.000	15.000		15.000				
	Thủy lợi		30.000	27.000	20.000	-	-	20.000	-		
1	Xây dựng hệ thống kênh dẫn 6 km sử dụng nước sau thủy điện Cần Đơn cho cánh đồng Sóc Nê, xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp	2027/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	30.000	27.000	20.000			20.000			
	Giáo dục và Đào tạo		30.000	27.000	15.000	-	-	15.000	-		
1	Xây dựng trường mầm non Hưng Phước	2144/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	30.000	27.000	15.000			15.000			
XII	Huyện Phú Riềng		185.000	166.500	50.000	-	25.000	25.000	-		
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		185.000	166.500	50.000	-	25.000	25.000	-		
1	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	2022/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	85.000	76.500	25.000		25.000				
2	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản	2041/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	100.000	90.000	25.000			25.000			
XIII	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh		29.000	29.000	29.000	-	29.000	-	-	-	
1	GPMB trường bắn Bù Đăng và xây dựng 02 nhà kho cất chứa mìn công binh	34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	29.000	29.000	29.000		29.000				

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch vốn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2021						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
C	Chương trình MTQG nông thôn mới			800.000	450.000	150.000	220.000	80.000			Giao Văn phòng điều phối NTM tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở KH&ĐT tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết
D	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			250.000	80.000		80.000				Giao Sở LĐTB&XH chủ trì, phối hợp với Sở KH&ĐT tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết
E	Vốn chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025				47.500		47.500				Chi tiết tại PL 4.2
F	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp			140.000	20.000		20.000				
1	Cụm công nghiệp Minh Hưng 1 - huyện Bù Đăng				10.000		10.000				Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Sở KH&ĐT tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết theo quy định tại Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020
2	Cụm công nghiệp Minh Hưng 2 - huyện Bù Đăng				10.000		10.000				Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Sở KH&ĐT tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết theo quy định tại Nghị quyết 09/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021 TẠI TOÁN CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự toán	Kế hoạch vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Tổng số		15.790		
1	Kênh thoát nước T2 khu vực trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	172/QĐ-STC ngày 31/12/2019	221	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
3	Trụ sở Đội Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực huyện Lộc Ninh	1260/QĐ-UBND ngày 12/6/2020	512	Công an tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
4	Cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Lộc Ninh, hạng mục Chi phí chuẩn bị và xây dựng tuyến kênh N2	1261/QĐ-UBND ngày 12/6/2020	1.202	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
5	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo nối dài (đoạn từ Trần Phú đến đường Hai Bà Trưng)	1358/QĐ-UBND ngày 22/6/2020	1.181	BQLDA thành phố Đồng Xoài	Không vượt tổng mức đầu tư
6	Đường số 7 (đoạn còn lại) và một số tuyến khác thuộc khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ, hạng mục Xây dựng đường và hệ thống thoát nước mưa đường Nguyễn Bình Khiêm, đường 14A, đường số 7 (N2), một đoạn đường Hàm Nghi và đường số 7 (N1) đoạn từ Km0+340 đến cuối tuyến	1359/QĐ-UBND ngày 22/6/2020	1.454	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
7	Mua xi măng thực hiện xây dựng đường giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2017	1778/QĐ-UBND ngày 4/8/2020	307	Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM	Không vượt tổng mức đầu tư
8	Mua xi măng thực hiện xây dựng đường giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2018	1779/QĐ-UBND ngày 4/8/2020	312	Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM	Không vượt tổng mức đầu tư
9	Mua xi măng thực hiện xây dựng đường giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2016-2017	1780/QĐ-UBND ngày 4/8/2020	299	Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM	Không vượt tổng mức đầu tư
12	Trường Mầm non Tuổi thơ xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành	4247/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	1.814	BQLDA đầu tư xây dựng huyện Chơn Thành	Không vượt tổng mức đầu tư
13	Nâng cấp Trung tâm Dạy nghề thị xã Phước Long (giai đoạn 1)	3023/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	473	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Không vượt tổng mức đầu tư
14	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Dạy nghề huyện Bù Đăng	1124/QĐ-UBND ngày 16/5/2016	23	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Không vượt tổng mức đầu tư
15	Trung tâm Dạy nghề huyện Đồng Phú	867/QĐ-UBND ngày 23/4/2018	309	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Không vượt tổng mức đầu tư
16	Trung tâm Giáo dục lao động tạo việc làm tỉnh Bình Phước	1722/QĐ-UBND ngày 26/7/2018	286	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Không vượt tổng mức đầu tư
17	Trung tâm Dạy nghề huyện Bù Gia Mập	47/QĐ-STC ngày 8/5/2019	107	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Không vượt tổng mức đầu tư

18	Xây dựng hàng rào Khu căn cứ Bộ chỉ huy Miền Tà Thiết	2691/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	1.817	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
19	Xây dựng đường vào Thác Đứng, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng	2787/QĐ-UBND ngày 6/11/2020	3.035	UBND huyện Bù Đăng	Không vượt tổng mức đầu tư
20	Nâng cấp lát nhựa đường từ ngã ba Phước Lộc đi bến đò Phước Tín, thị xã Phước Long	2692/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	658	UBND thị xã Phước Long	Không vượt tổng mức đầu tư
21	Trường tiểu học Tân Khai A, xã Tân Khai, huyện Hớn Quản	2692/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	1.780	UBND huyện Hớn Quản	Không vượt tổng mức đầu tư



Phụ lục 4.2
DANH MỤC DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2021	Chủ đầu tư
	Tổng cộng	11.879.300	47.500	
1	Xây dựng kè chống xói lở và đê chống lũ Suối Rạt cho phường Tân Đồng, Tân Thiện, Tân Xuân, TP Đồng Xoài và xã Đồng Tiến, Tân Phước, huyện Đồng Phú	1.460.000	5.840	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng tuyến phía Đông Nam Quốc lộ 14 kết nối Đắc Nông, Bình Phước, Đồng Nai, Bình Dương	1.479.000	5.910	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu-Thành phần tỉnh Bình Phước	673.300	2.690	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Nâng cấp, mở rộng ĐT753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu	655.000	2.600	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Xây dựng đường ĐT. 752B đoạn QL 14 đi Minh Hưng	550.000	2.200	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Xây dựng đường ĐT. 753B đoạn Phú Riềng, Bù Na, Nam Cát Tiên	500.000	2.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
7	Xây dựng QL 14C kết nối Đắc Nông với Bình Phước qua Tây Ninh, Long An	800.000	3.200	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
8	Xây dựng các đường kết nối QL 14 với các hồ bậc thang Suối Cam	150.000	600	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
9	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (các tuyến đường còn lại, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước)	770.000	3.080	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
10	Xây dựng đường kết nối các khu CN khu vực huyện Chơn Thành	200.000	800	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
11	Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp - thương mại-dịch vụ 3 cửa khẩu quốc gia (Hoàng Diệu, Tân Thành, Lộc Thịnh)	230.000	920	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
12	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	300.000	1.200	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
13	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	120.000	480	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
14	Xây dựng trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Bình Phước	80.000	320	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
15	xây dựng đường tránh khu vực sạt lở trên đường Sao Bông - Đăng Hà (ĐT 755B)	220.000	880	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
16	Xây dựng nhà làm việc và nhà ở cho các lực lượng chức năng tại các cửa khẩu và lối mở biên giới	80.000	320	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
17	Xây dựng đường kết nối ngang QL13 và tuyến Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư	400.000	1.600	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
18	Xây dựng đường kết nối từ ấp dền dền thị trấn Tân Phú đi thành phố Đồng Xoài	100.000	400	UBND huyện Đồng Phú
19	Xây dựng đường phía tây nam huyện Đồng Phú (từ ĐT 741 vào đường Đồng Phú - Bình Dương)	280.000	1.120	UBND huyện Đồng Phú
20	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1-2 kết nối QL14	457.000	1.840	UBND TP Đồng Xoài

STT	Danh mục dự án ²	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2021	Chủ đầu tư
21	Xây dựng tuyến đường quy hoạch số 35 kết nối Đồng Phú - khu công nghiệp Đồng Xoài I với hồ Suối Cam thành phố Đồng Xoài	200.000	800	UBND TP Đồng Xoài
22	Xây dựng tuyến đường Đồng Phú - Đồng Xoài - Thuận Phú kết nối khu công nghiệp Đồng Xoài I, II với khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	500.000	2.000	UBND TP Đồng Xoài
23	Xây dựng đường tránh phía đông QL 13, đoạn qua thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	210.000	840	UBND huyện Lộc Ninh
24	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cùi Chỏ qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	80.000	320	UBND huyện Bù Gia Mập
25	Nâng cấp, mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập) đến đường QL 14C xã Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập	75.000	300	UBND huyện Bù Gia Mập
26	xây dựng các tuyến đường từ xã An Phú kết nối với đường phía tây QL 13	160.000	640	UBND huyện Hớn Quản
27	Nâng cấp đường Bù Dinh-Thanh Sơn và đường vào nhà máy thủy điện Sóc Phú Miêng	60.000	240	UBND huyện Hớn Quản
28	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	110.000	440	UBND huyện Hớn Quản
29	Xây dựng đường Nguyễn Thái Học (đoạn từ ngã 5 đường Đoàn thị Điểm đến ĐT 752 phường An Lộc) TX Bình Long	150.000	600	TX Bình Long
30	xây dựng đường Nguyễn văn Trỗi nối dài kết nối huyện Hớn Quản (đoạn từ ngã 3 Đoàn Thị Điểm đến ranh huyện Hớn Quản)	160.000	640	TX Bình Long
31	Xây dựng đường vành đai đô thị TX Bình Long	360.000	1.440	TX Bình Long
32	Xây dựng đường liên xã Hưng Chiến đi Thanh Lương TX Bình Long	280.000	1.120	TX Bình Long
33	Xây dựng Hội trường 400 chỗ Công an tỉnh	30.000	120	Công an tỉnh